

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2021

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Phương Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Hoàng Quang Thanh**
2/ Ông **Lê Quý Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Hùng** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/03/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm: **1993**

Địa chỉ: thôn SC, xã CHN, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Minh H**, sinh năm: **1991**

Địa chỉ: thôn SC, xã CHN, huyện CL, Khánh Hòa; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Lê Thị Kim T trình bày bà và ông Lê Minh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 10/12/2012.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống sống hôn nhân bình thường, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đánh đập tôi, xúc phạm bố mẹ bà, bản thân ông H cá độ đá banh để gây ra nợ nần. Không những vậy, ông H còn có quan hệ với người khác bên ngoài. Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H ngày càng căng thẳng, ngột ngạt nên

cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho mình được ly hôn với ông H để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông H có 01 con chung là cháu Lê Minh Thiên H, sinh ngày 26/4/2013, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu H đang con nhỏ, rất cần bà nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện tại đang sống cùng bà. Bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn (ông Lê Minh H) trình bày:** Những gì vợ tôi là cô T đã trình bày là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên việc nợ nần của tôi cũng do tôi tự trả khoản nợ này, không ảnh hưởng đến gia đình. Việc vợ chồng cãi nhau là chuyện bình thường nhưng cô T vẫn cố tình bỏ nhà đi, không cho tôi cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay cô T yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi vẫn còn thương vợ con và vẫn muốn níu kéo, hàn gắn vợ chồng.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Nếu vợ tôi vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý để vợ nuôi con và tự nguyện trợ cấp nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu trình tự thủ tục và quan điểm giải quyết vụ án:** Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với việc nguyên đơn (bà Lê Thị Kim T) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án khi vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Lê Minh H. Về con chung: đề nghị giao 01 con chung là cháu Lê Minh Thiên H, sinh ngày 26/4/2013 cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Minh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết do cả bà T và ông H không yêu cầu. Về án phí: bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của bị đơn, đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa và nghiên cứu các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị Kim T và ông Lê Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn (bà Lê Thị Kim T) đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án khi vắng mặt nguyên đơn là vẫn đúng quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Minh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 10/12/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đánh đập bà, xúc phạm bố mẹ bà, bản thân ông H còn cá độ đá banh để gây ra nợ nần. Không những vậy, ông H còn có quan hệ với người khác bên ngoài. Cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H ngày càng căng thẳng, ngột ngạt nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho mình được ly hôn với ông H để mỗi người có cuộc sống riêng là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình hòa giải nguyên đơn vẫn một mực yêu cầu được giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Minh H.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Minh H có 01 con chung là cháu Lê Minh Thiên H, sinh ngày 26/4/2013, cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Bà T có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu H đang con nhỏ, rất cần bà nuôi dưỡng, bảo ban, chăm sóc và bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, lời trình bày của bà T là hoàn toàn có cơ sở, cháu H đang trong độ tuổi đi học nên rất cần sự bảo ban, chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Hơn nữa, cháu đang được bà nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần của cháu, cần giao cháu Lê Minh Thiên H cho mẹ là bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Minh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 4/2021.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản

chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim T là người khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Lê Minh H tự nguyện trợ cấp nuôi con nên phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc trợ cấp nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Lê Thị Kim T** được ly hôn với ông **Lê Minh H**.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao 01 con chung là cháu Lê Minh Thiên H (sinh ngày: 26/4/2013) cho bà Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Minh H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 4/2021.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Quy định chung: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng bà T, ông H; nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Minh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên bà T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008410 ngày 11/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, do đó bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND thị xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa tỉnh Phú Yên. (Nơi cấp GCN kết hôn số: 40/2012 ngày 10/12/2012)
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

Trần Phương Lan Anh